TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1767/2018/DS-ST
Ngày: 28-11-2018
V/v tranh chấp về thừa kế Tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm H Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Ông Trần Ngọc Thực

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh H – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Phạm Hoàng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2014/TLST-DS ngày 27/03/2014 về việc "Tranh chấp về thừa kế Tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5130/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Châu Huệ T**, sinh năm 1963 (Có mặt)
Địa chỉ: 68/11 đường L, Phường X, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H** – Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Châu Huệ V**, sinh năm 1952 (Có mặt)
Địa chỉ: 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Châu Huệ S (chết năm 2009) gồm:

- Bà **Châu D**, sinh năm 1975 (Xin vắng mặt)
- Ông **Châu Nguôn B**, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ thường trú: 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **Châu Nguyên Kh**, sinh năm 1979 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 009 Lô A tầng trệt, Chung cư X, đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **Châu Nguyên H**, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2/ Bà **Châu Huệ Ph**, sinh năm 1948 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Edithpiafraat 82 6663 MA Lent nước N.

3.3/ Bà **Huỳnh Huệ A**, sinh năm 1950 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 151/5E đường H, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4/ Ông **Châu Huệ Q**, sinh năm 1952

Địa chỉ: De GildeKamys 3313 6545 LA Nijmegen, nước H.

Người đại diện hợp pháp của ông Q: Bà **Nguyễn Thị Tây T**, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: 412 đường M, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 01/10/2014 đã được hợp pháp hóa lãnh sự)

3.5/ Bà **Châu Huệ K**, sinh năm 1957 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Lanksforst 2456 6538 GV Nijmegen, nước H.

3.6/ Ông **Châu R**, sinh năm 1960

Địa chỉ: 8117 Emerson OL Rosemead CA 91770, USA.

Người đại diện hợp pháp của ông R: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: 412 đường M, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 24/10/2014 đã được hợp pháp hóa lãnh sự)

3.7/ Ông **Châu Huệ M**, sinh năm 1964 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Diepvoorde 2114 6605GE Wijchen nước H

3.8/ Bà **Trương Kinh**, sinh năm 1956 (Xin vắng mặt)

3.9/ Ông **Châu Nguyên Hải**, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt)

3.10/ Bà **Châu Mỹ Ngọc**, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt)

3.11/ Ông **Châu Nguyên Phát**, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt)

3.12/ Bà **Huỳnh Thị Bé Thảo**, sinh năm 1991 (Có mặt)

3.13/ Trẻ **Châu Tông Trạch**, sinh năm 2014

3.14/ Trẻ **Châu Cẩm Lâm**, sinh năm 2015

Người giám hộ hợp pháp của trẻ Châu Tông Trạch và trẻ Châu Cẩm Lâm: Bà Huỳnh Thị Bé Thảo

Cùng địa chỉ: 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2014, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Châu Huệ T trình bày: Cụ Châu H (chết năm 2010) và cụ Huỳnh H (chết năm 2013) chung sống có 09 người con là: Ông Châu Huệ S (chết năm 2009; Có vợ là bà Trần H, chết năm 2015 và 04 người con là: Châu Nguôn B, Châu D, Châu Nguyên K, Châu Nguyên H), bà Châu Huệ P, bà Huỳnh Huệ A, ông Châu Huệ V, ông Châu Huệ Q, bà Châu Huệ K, ông Châu R, ông Châu Huệ T, ông Châu Huệ M.

Về Tài sản, cụ Châu H và cụ Huỳnh H có căn nhà mang số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở số 1825/UB-GCN ngày 14/9/2007 do Ủy ban nhân dân Quận V cấp. Căn nhà này hiện ông Châu Huệ V đang quản lý, sử dụng.

Trước khi chết, cụ Châu H và cụ Huỳnh H đã cùng lập Di chúc được công chứng viên Phòng Công chứng số K, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực vào ngày 27/5/2009, số công chứng 8961, quyển số 05 TP/CC-SCC/DC. Theo nội dung của di chúc thì cụ Châu H và cụ Huỳnh H để lại di sản là nhà và đất tại số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh cho 05 người con mỗi người một phần bằng nhau, gồm: Ông Châu Huệ V, ông Châu Huệ Q, ông Châu R, ông Châu Huệ T, ông Châu Huệ M. Các con của cụ Châu H và cụ Huỳnh H đều biết về nội dung của di chúc, những người con, cháu không có tên trong di chúc không có ý kiến phản đối hay tranh chấp gì liên quan đến việc hưởng thừa kế theo di chúc trên.

Năm 2010, cụ Châu H chết. Ngày 06/4/2013, cụ Huỳnh H đã lập Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc và lập Bản di chúc mới với nội dung: Ông Châu Huệ T được hưởng toàn bộ phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của cụ Huỳnh H trong căn nhà 618 đường N và phần cụ H được hưởng thừa kế từ cH là cụ Châu H. Di chúc được lập đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, thời điểm lập di chúc cụ H hoàn toàn minh mẫn, có người làm chứng, ông Châu Huệ Q và ông Chau R, bà Châu Huệ K, bà Châu Huệ P cũng biết việc cụ H sửa đổi di chúc.

Sau khi cha mẹ chết, ông T đã nhiều lần liên lạc với các anh em để bàn bạc và thực hiện nội dung các bản di chúc của cha mẹ để lại. Tất cả đều thống nhất, riêng ông Châu Huệ V không đồng ý thực hiện di chúc của cụ Huỳnh H lập lại vào năm 2013. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết chia thừa kế theo di chúc mà cụ Châu H và cụ Huỳnh H đã lập vào ngày 27/5/2009 và di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013. Nguyên đơn có nguyện vọng nhận nhà và sẽ giao lại giá trị của phần thừa kế cho bị đơn và các đồng thừa kế khác. Theo định giá ngày 03/4/2018 của Hội đồng định giá thì giá trị của toàn bộ căn nhà 618 Đường N là 18.675.654.236 (Mười tám tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm ba mươi sáu) đồng. Ông T đồng ý với giá này và

không yêu cầu định giá lại. Ông T sẽ giao lại giá trị của phần thừa kế cho các ông Châu Huệ Q, ông Châu R, ông Châu Huệ M mỗi người là 1.743.061.062 (Một tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn, không trăm sáu mươi hai) đồng. Riêng ông Châu Huệ V do có quá trình quản lý Tài sản và cũng nhằm tạo điều kiện cho ông Vinh sớm ổn định chỗ ở, ông T đồng ý giao cho ông V 3.600.000.000 (Ba tỷ, sáu trăm triệu) đồng vào ngày 20/12/2018 với điều kiện ngay khi nhận tiền, ông Vinh phải giao căn nhà 618 Đường N cho ông T được toàn quyền quản lý.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Châu Huệ V trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân và Tài sản thừa kế. Đối với Di chúc của cụ H và cụ H lập ngày 27/5/2009; Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013 và Bản di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013 ông Vinh không có ý kiến gì. Tuy nhiên, ông yêu cầu được nhận phần thừa kế của ông là 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm triệu) đồng. Nhưng do gia đình ông đang gặp khó khăn về kinh tế nên ông nhờ ông T hỗ trợ thêm 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng để tạo điều kiện thuận lợi trong việc thuê nhà, thuê kho. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 20/11/2018, ông T và ông V đã thống nhất là ông T sẽ giao cho ông Vinh 3.600.000.000 (Ba tỷ, sáu trăm triệu) đồng và nhận nhà vào ngày 20/12/2018. Đến nay ông Vinh vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Huệ Q có bà Nguyễn Thị Tây T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Q thống nhất với lời trình bày của ông T về nguồn gốc căn nhà cũng như các bản di chúc của cụ Châu H và cụ Huỳnh H. Ông đồng ý chia thừa kế theo Di chúc của cụ Châu H và cụ Huỳnh H lập ngày 27/5/2009; Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013 và Bản di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013. Ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu R có ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông đồng ý chia thừa kế theo Di chúc của cụ Châu H và cụ Huỳnh H lập ngày 27/5/2009; Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013 và Bản di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013. Ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Huệ A trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2017 có nội dung như sau: Bà có biết về Di chúc chung của cha mẹ bà là cụ Châu H và cụ Huỳnh H lập năm 2009, còn việc cụ Huỳnh H sửa đổi di chúc thì bà mới biết sau này. Bà không thắc mắc hay có ý kiến gì về các bản di chúc này vì đây là di chúc do cha mẹ để lại. Hiện căn nhà đang tranh chấp do ông Vinh quản lý, sử dụng. Khi cụ H còn sống, ông Vinh có bỏ tiền ra sửa chữa nhà. Đối với yêu cầu của ông T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Huệ P, bà Châu Huệ K trình bày tại bản tự khai ngày 19/8/2015 đã được Đại sứ quán Việt Nam xác nhận có nội dung như sau: Bà P, bà K đồng ý chia thừa kế căn nhà trên theo Di chúc của cụ Châu H và cụ Huỳnh H lập ngày 27/5/2009; Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013 và Bản di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013 và không có tranh chấp gì đối với ông T. Bà P, bà K đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Huệ M trình bày tại bản tự khai ngày 02/10/2014 đã được Đại sứ quán Việt Nam xác nhận có nội dung như sau: Ông thống nhất với lời trình bày của ông T về nguồn gốc căn nhà cũng như nội dung Di chúc của cụ Châu H và cụ Huỳnh H lập ngày 27/5/2009. Đối với Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013 và Bản di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013, ông không biết nên không đồng ý chia thừa kế theo các văn bản này, ông yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông M xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Châu Huệ S (chết năm 2009) gồm bà Châu D, ông Châu Nguôn B, ông Châu Nguyên K, ông Châu Nguyên H trình bày tại Bản tự khai ngày 12/12/2014 và Biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2017 như sau: Các ông bà không có tranh chấp gì đối với ông T và không có ý kiến gì khác. Ngoài ra các ông bà xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương K, ông Châu Nguyên P, ông Châu Nguyên H, bà Châu Mỹ N, bà Huỳnh Thị Bé Th trình bày tại Bản tự khai ngày 20/10/2018 như sau: Các ông bà không có ý kiến gì. Bà Trương K, ông Châu Nguyên Ph, ông Châu Nguyên H, bà Châu Mỹ Ng xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Châu Huệ T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế Tài sản là căn nhà số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh theo Di chúc chung của cụ Châu H và cụ Huỳnh H lập ngày 27/5/2009; Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013 và Bản di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013. Theo đó ông T được nhận phần thừa kế của cụ H gồm: ½ căn nhà là Tài sản của cụ trong khối Tài sản chung của vợ chồng và kỷ phần cụ H được hưởng thừa kế từ cụ H, phần thừa kế của ông T được hưởng từ cụ H. Ông T yêu cầu được nhận nhà và ông đồng ý thanh toán lại kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

Luật sư Nguyễn Văn H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Cụ Châu H, cụ Huỳnh H có 09 người con chung và Tài sản chung là căn nhà số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ H chết năm 2010, cụ H chết năm 2013. Trước khi chết, hai cụ có

lập di chúc gồm: Di chúc chung năm 2009 và Bản di chúc cụ H lập năm 2013. Về di chúc, các đương sự không tranh chấp và đồng ý chia theo di chúc nên đề nghị Tòa án công nhận. Theo kết quả định giá thì căn nhà trên có giá trị là 18.675.654.236 (Mười tám tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm ba mươi sáu) đồng. Như vậy, căn cứ vào các bản di chúc thì ông Q, ông R, ông M, ông V, ông T mỗi người được hưởng 1.743.061.062 (Một tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn, không trăm sáu mươi hai) đồng. Ngoài ra, ông T còn được hưởng thừa kế phần của cụ H gồm ½ căn nhà và kỷ phần cụ H được hưởng thừa kế từ cụ H, tổng cộng là 9.960.348.926 (Chín tỷ, chín trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm hai mươi sáu) đồng. Do ông T được nhận phần nhiều hơn nên ông có nguyện vọng được sở hữu nhà và thanh toán kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác như đã nêu trên. Riêng đối với ông V nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho gia đình ông V trong việc tạo lập chỗ ở mới, ông T đồng ý giao cho ông V 3.600.000.000 (Ba tỷ, sáu trăm triệu) đồng nếu ông V giao nhà cho ông T vào ngày 20/12/2018. Trường hợp ông V giao nhà sau ngày này thì ông T chỉ thanh toán cho ông V số tiền là 3.200.000.000 (Ba tỷ, hai trăm triệu) đồng.

Ông Châu Huệ V, ông Châu Huệ Q, ông Châu R đồng ý với ý kiến của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Nhà và đất tại số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của cụ Châu H và cụ Huỳnh H có trị giá là 18.675.654.236 (Mười tám tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm ba mươi sáu) đồng. Cụ H chết năm 2010, cụ H chết năm 2013. Trước khi chết hai cụ có để lại di chúc. Có 03 văn bản liên quan đến di chúc là Di chúc chung được công chứng chứng thực ngày 27/5/2009; Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc và Bản di chúc của cụ H cùng lập ngày 06/4/2013. Tại phiên tòa sơ thẩm, trừ ông Châu Huệ M, những người có tên trong di chúc thỏa thuận ông T được nhận nhà và thanh toán kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế mỗi người được nhận là 1.743.061.062 (Một tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn, không trăm sáu mươi hai) đồng. Riêng ông Châu Huệ V do là người đang trực tiếp quản lý nhà nên giữa ông T và ông V có thỏa thuận ông T sẽ giao cho ông V 3.600.000.000 (Ba tỷ, sáu trăm triệu) đồng vào ngày 20/12/2018 với điều kiện ngay khi nhận tiền ông V phải giao nhà cho ông T. Nếu ông V không giao nhà đúng vào ngày này thì ông T sẽ chỉ giao cho ông V số tiền là 3.200.000.000

(Ba tỷ, hai trăm triệu) đồng. Xét thấy các bên không tranh chấp về di chúc và đã thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Châu Huệ T đang cư trú tại Việt Nam có đơn khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản đối với ông Châu Huệ V. Trong vụ án có ông Châu Huệ Q, ông Châu Huệ M, bà Châu Huệ P, bà Châu Huệ K hiện đang sống ở Hà Lan và ông Châu R hiện đang sinh sống tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 5 Điều 26, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Châu Nguôn B, bà Châu D, ông Châu Nguyên K, ông Châu Nguyên H, bà Châu Huệ P, bà Châu Huệ K, bà Huỳnh Huệ Anh, ông Châu Huệ M, bà Trương K, ông Châu Nguyên H, bà Châu Mỹ Ng, ông Châu Nguyên Ph có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Châu Huệ T về việc chia di sản thừa kế của cụ Châu H và cụ Huỳnh H là nhà và đất tại số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh theo di chúc chung của hai cụ lập ngày 27/5/2009 và bản di chúc của cụ H lập ngày 06/4/2013, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cụ Châu H và cụ Huỳnh H chung sống có 09 người con chung là: Ông Châu Huệ S (chết năm 2009; Có vợ là bà Trần H, chết năm 2015 và 04 người con là: Châu Nguôn B, Châu D, Châu Nguyên K, Châu Nguyên H), bà Châu Huệ P, bà Huỳnh Huệ A, ông Châu Huệ V, ông Châu Huệ Q, bà Châu Huệ K, ông Châu R, ông Châu Huệ T, ông Châu Huệ M.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở số 1825/UB-GCN ngày 14/9/2007 do Ủy ban nhân dân Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì nhà và đất tại số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của cụ H và cụ H.

Ngày 27/5/2009 cụ Châu H và cụ Huỳnh H đã lập Di chúc chung để lại toàn bộ nhà và đất tại số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh cho 05 người con là: Ông Châu Huệ V, ông Châu Huệ Q, ông Châu R, ông Châu Huệ T, ông Châu Huệ M.

Ngày 06/4/2013, cụ Huỳnh H lập Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc, theo đó cụ Huỳnh H hủy bỏ Di chúc năm 2009 đối với phần Tài sản của cụ H. Cùng ngày 06/4/2013, cụ H đã lập Bản di chúc để lại phần Tài sản của cụ H là ½ căn nhà số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh và kỷ phần cụ H được hưởng thừa kế từ cụ H cho ông Châu Huệ T. Các văn bản này được công chứng viên của Văn phòng Công chứng G chứng nhận.

Các ông bà: Châu Nguôn B, Châu D, Châu Nguyên K, Châu Nguyên H, Châu Huệ P, Huỳnh Huệ A, Châu Huệ V, Châu Huệ Q, Châu Huệ K, Châu R không có ý kiến gì về Di chúc chung của cụ H, cụ H cũng như Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc và Bản di chúc của cụ H lập sau khi cụ H chết. Riêng ông Châu Huệ M cho rằng ông không biết việc cụ H lập Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc và lập Bản di chúc vào năm 2013 nên chỉ đồng ý chia theo Di chúc chung của cụ H, cụ H lập năm 2009.

Xét, theo quy định tại Điều 664 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì vợ chồng có thể sửa đổi, bổ sung thay thế, hủy bỏ di chúc chung bất kỳ lúc nào. Nếu một người đã chết thì người kia chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần Tài sản của mình. Thực tế, sau khi cụ H chết, cụ H cũng chỉ lập Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc để hủy bỏ di chúc lập ngày 27/5/2009 đối với phần Tài sản của cụ trong căn nhà 618 Đường N đồng thời lập di chúc định đoạt phần Tài sản này. Như vậy, các văn bản do cụ H lập có nội dung hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, Di chúc của cụ H lập được công chứng chứng thực theo đúng trình tự thủ tục của pháp luật nên căn cứ vào Điều 646, Điều 652, Điều 653, Điều 657, Điều 661 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì Bản di chúc của cụ H lập ngày 06/4/2013 là hợp pháp. Do đó, việc ông M không đồng ý thực hiện theo Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc và Bản di chúc của cụ Huỳnh H lập ngày 06/4/2013 là không có căn cứ chấp nhận. Theo nội dung di chúc thì cụ H để lại ½ căn nhà là Tài sản của cụ trong khối Tài sản chung của vợ chồng và kỷ phần cụ được hưởng thừa kế từ cụ H cho ông T. Do cụ H không có người thừa kế không phụ thuộc vào di chúc nên ông T được hưởng trọn Tài sản của cụ H.

Năm 2010, cụ H chết. Phần di sản của cụ H để lại là ½ nhà và đất tọa lạc tại số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm có 09 người con chung và vợ là cụ Huỳnh H. Căn cứ vào Biên bản định giá Tài sản ngày 03/4/2018 của Hội đồng định giá thì giá trị toàn bộ nhà và đất tọa lạc tại số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh là 18.675.654.236 (Mười tám tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm ba mươi sáu) đồng. Như vậy, phần sở hữu của cụ Châu H có giá trị là: 9.337.827.118 (Chín tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm mười tám) đồng. Nếu chia di sản của cụ H theo pháp luật thì mỗi kỷ phần thừa kế là: 933.782.711 đồng. Do cụ H có để lại di chúc nên phần di sản của cụ sẽ được phân chia theo di chúc. Tuy nhiên, tính đến thời điểm mở thừa kế của cụ H thì còn có người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc là cụ H. Tại Điều

669 của Bộ Luật Dân sự năm 2005 quy định: Cha, mẹ, vợ, con chưa thành niên hoặc con đã thành niên nhưng mất khả năng lao động vẫn được hưởng di sản bằng 2/3 của một suất thừa kế. Vì vậy, cụ H được hưởng 2/3 của một suất thừa kế và bằng 622.521.808 (Sáu trăm hai mươi hai triệu, năm trăm hai mươi mốt nghìn, tám trăm lẻ tám) đồng. Sau khi trừ đi phần mà cụ H được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc, phần di sản còn lại của cụ Châu H có giá trị là: 8.715.305.310 (Tám tỷ, bảy trăm mười lăm triệu, ba trăm lẻ năm nghìn, ba trăm mười) đồng sẽ được chia theo di chúc của cụ H.

Căn nhà 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh được chia như sau:

Phần của cụ H sẽ được chia cho cụ H là 622.521.808 (Sáu trăm hai mươi hai triệu, năm trăm hai mươi mốt nghìn, tám trăm lẻ tám) đồng, giá trị còn lại là 8.715.305.310 (Tám tỷ, bảy trăm mười lăm triệu, ba trăm lẻ năm nghìn, ba trăm mười) đồng sẽ chia đều cho 05 người con gồm: Ông Châu Huệ V, ông Châu Huệ Q, ông Châu R, ông Châu Huệ T, ông Châu Huệ M mỗi người được hưởng là: 8.715.305.310 đồng : 5 = 1.743.061.062 (Một tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn, không trăm sáu mươi hai) đồng (tương đương 9,33% giá trị căn nhà).

Phần của cụ H là 9.337.827.118 đồng + 622.521.808 đồng = 9.960.348.926 (Chín tỷ, chín trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm hai mươi sáu) đồng sẽ giao cho ông T do ông T được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ H. Như vậy, tổng cộng phần thừa kế ông T được nhận là 9.337.827.118 đồng + 622.521.808 đồng + 1.743.061.062 đồng = 11.703.409.988 (Mười một tỷ, bảy trăm lẻ ba triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn, chín trăm tám mươi tám) đồng.

Ông T có nguyện vọng được nhận và sở hữu toàn bộ căn nhà số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh và thanh toán lại kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác. Xét thấy, trong 05 anh em của ông T chỉ có ông T và ông V là đang sinh sống ở Việt Nam, còn ông Q, ông R, ông M đang sống ở nước ngoài và hiện tại căn nhà trên do ông V quản lý, sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án, giữa ông T và ông Vinh đã có sự thỏa thuận là ông T sẽ giao cho ông Vinh 3.600.000.000 (ba tỷ, sáu trăm triệu) đồng và ông V cùng gia đình sẽ dọn ra khỏi nhà, giao lại căn nhà cho ông T quản lý. Việc giao nhận sẽ được các bên thực hiện vào ngày 20/12/2018. Trường hợp ông V không tự nguyện giao nhà theo thỏa thuận trên thì ông T chỉ giao cho ông V số tiền là 3.200.000.000 (Ba tỷ, hai trăm triệu) đồng. Do đó, yêu cầu của ông T được nhận tài sản thừa kế bằng hiện vật là căn nhà số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh và thanh toán kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác là phù hợp với thực tế nên chấp nhận.

Như vậy, ông T sẽ giao cho ông Q, ông R, ông M mỗi người là 1.743.061.062 (Một tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn, không trăm sáu mươi hai) đồng. Riêng ông Châu Huệ V sẽ thực hiện

theo thỏa thuận như đã nêu. Sau khi ông T giao đủ tiền cho các đồng thừa kế là ông Châu Huệ V, ông Châu Huệ Q, ông Châu R, ông Châu Huệ M thì ông T được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với nhà và đất nêu trên.

Trường hợp sau sáu tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật mà ông T không có khả năng thi hành án thì nhà, đất tại số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được phát mãi để chia cho các thừa kế. Sau khi trừ các chi phí theo quy định của pháp luật liên quan đến việc phát mãi, số tiền còn lại sẽ được phân chia cho các thừa kế như sau: Ông Châu Huệ Q, ông Châu R, ông Châu Huệ M mỗi người được nhận 9,33% giá trị căn nhà, ông Châu Huệ V được nhận 19,28% giá trị căn nhà, ông Châu Huệ T được nhận toàn bộ số còn lại là 52,73% giá trị căn nhà.

[4] Về chi phí định giá đối với căn nhà 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh là 2.000.000 (Hai triệu) đồng ông T tự nguyện chịu và không yêu cầu xem xét.

[5] Về án phí: Ông Châu Huệ V, ông Châu Huệ Q, ông Châu R, ông Châu Huệ T, ông Châu Huệ M phải chịu án phí trên phần Tài sản được chia. Do ông V (sinh năm 1952) và ông Q (sinh năm 1952) thuộc diện người cao tuổi và đều có đơn đề nghị được miễn án phí Tòa án nên căn cứ theo quy định tại Điều 12, Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Vinh và ông Quang được miễn nộp tiền án phí. Như vậy, chỉ có ông Châu R, ông Châu Huệ M và ông Châu Huệ T phải đóng án phí. Cụ thể, ông Châu R, ông Châu Huệ M mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.291.832 (Sáu mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn, tám trăm ba mươi hai) đồng, ông Châu Huệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 119.703.410 (Một trăm mười chín triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm mười) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 147; Điều 203; Điều 208; Điều 220; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 646, Điều 648, Điều 657, Điều 661, Điều 662, Điều 664, Điều 667, Điều 669 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Khoản 1 Điều 12, Điều 48 của Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin chia thừa kế nhà, đất tại số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh của nguyên đơn ông Châu Huệ T:

- Xác định nhà, đất số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh có trị giá là 18.675.654.236 (Mười tám tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm ba mươi sáu) đồng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ Châu H và cụ Huỳnh H; Phần của mỗi cụ là ½ căn nhà có trị giá là 9.337.827.118 (Chín tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm mười tám) đồng.

- Xác định phần sở hữu của cụ Châu H trong căn nhà số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh là ½ căn nhà và được chia theo Di chúc của cụ H cho 05 người con là: Ông Châu Huệ V, ông Châu Huệ Q, ông Châu R, ông Châu Huệ T, ông Châu Huệ M và người không phụ thuộc vào nội dung di chúc là cụ Huỳnh H. Cụ thể, cụ Huỳnh H được hưởng phần thừa kế trị giá 622.521.808 (Sáu trăm hai mươi hai triệu, năm trăm hai mươi mốt nghìn, tám trăm lẻ tám) đồng; Ông Châu Huệ V, ông Châu Huệ Q, ông Châu R, ông Châu Huệ T, ông Châu Huệ M mỗi người được hưởng là 1.743.061.062 (Một tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn, không trăm sáu mươi hai) đồng.

- Xác định phần sở hữu của cụ Huỳnh H trong căn nhà số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh là: ½ căn nhà và kỷ phần thừa kế cụ H được hưởng của cụ H, tổng cộng cả hai khoản có giá trị là 9.960.348.926 (Chín tỷ, chín trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm hai mươi sáu) đồng. Toàn bộ di sản của cụ H sẽ được chia theo Bản di chúc của cụ H lập ngày 06/4/2013 tại Văn phòng Công chứng G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người được hưởng di sản của cụ Huỳnh H là ông Châu Huệ T.

- Giao căn nhà số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Châu Huệ T được quyền sở hữu. Ông T có trách nhiệm thanh toán lại kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế gồm: Ông Châu Huệ Q, ông Châu R, ông Châu Huệ M mỗi người là 1.743.061.062 (Một tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn, không trăm sáu mươi hai) đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Châu Huệ T và ông Châu Huệ V như sau: Ông Châu Huệ T sẽ thanh toán cho ông Châu Huệ V số tiền là 3.600.000.000 (Ba tỷ, sáu trăm triệu) đồng (nhiều hơn của một suất thừa kế được hưởng) trong trường hợp ông V giao nhà cho ông T vào ngày 20/12/2018. Nếu sau ngày 20/12/2018 ông V mới giao nhà thì ông T chỉ phải thanh toán cho ông V số tiền là 3.200.000.000 (Ba tỷ, hai trăm triệu) đồng.

Trường hợp ông Châu Huệ T chậm thanh toán tiền thì ông Châu Huệ T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo

mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ông Châu Huệ T giao đủ số tiền nêu trên cho ông Châu Huệ V, ông Châu Huệ Q, ông Châu R, ông Châu Huệ M thì ông Châu Huệ T được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà, đất tại số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian để ông T thi hành giao tiền là ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Sau sáu tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật mà ông T không có khả năng thi hành án thì nhà, đất tại số 618 đường N, Phường Q, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được phát mãi để chia cho các thừa kế. Sau khi trừ các chi phí theo quy định của pháp luật liên quan đến việc phát mãi, số tiền còn lại sẽ được phân chia cho các thừa kế như sau: Ông Châu Huệ Q, ông Châu R, ông Châu Huệ M mỗi người được nhận 9,33% giá trị căn nhà, ông Châu Huệ V được nhận 19,28% giá trị căn nhà, ông Châu Huệ T được nhận toàn bộ số còn lại là 52,73% giá trị căn nhà.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Châu Huệ T phải chịu 119.703.410 (Một trăm mười chín triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm mười) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 56.575.000 (Năm mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2010/06666 ngày 26/3/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T còn phải đóng 63.128.410 (Sáu mươi ba triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm mười) đồng.

Ông Châu Huệ V và ông Châu Huệ Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Châu Huệ M và ông Châu R mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.291.832 (Sáu mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn, tám trăm ba mươi hai) đồng.

3/ Quyền kháng cáo: Ông Châu Huệ T, ông Châu Huệ V, ông Châu Huệ Q, ông Châu R, bà Huỳnh Thị Bé Thảo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Châu Nguôn B, bà Châu D, ông Châu Nguyên Kh, ông Châu Nguyên H, bà Châu Huệ P, bà Châu Huệ K, bà Huỳnh Huệ Anh, ông Châu Huệ M, bà Trương K, ông Châu Nguyên H, bà Châu Mỹ Ng, ông Châu Nguyên P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (T/30).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Loan